

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG VĂN SÓNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Phản biện 1: TS. Đặng Văn Mỹ

Phản biện 2: PGS. TS. Lê Hữu Ảnh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh kinh tế thế giới khủng hoảng và rơi vào suy thoái nặng nề, Việt Nam đã phải đối mặt với bất ổn nền kinh tế, chỉ một thời gian ngắn từ 2006 – 2010, Nhà nước đã liên tục có những điều chỉnh về chính sách để giải quyết tình trạng lạm phát, thiếu phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Hệ thống các TCTD được ví như mạch máu của nền kinh tế đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai các chính sách của Nhà nước mà vai trò đầu tàu là NHNN với chức năng QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp góp phần bình ổn kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát thông qua việc sử dụng nhiều công cụ vốn có điều chỉnh hoạt động các TCTD.

Chi nhánh là một trong 63 đơn vị chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc NHNN thực hiện nhiệm vụ QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo ủy quyền của Thống đốc trên địa giới hành chính được phân công. Nghiên cứu thực trạng công tác QLNN của Chi nhánh giai đoạn 2006 – 2010 để thấy được những kết quả đạt được và tồn tại hạn chế, từ đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện công tác QLNN trong thời gian đến. Vì vậy tôi chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác quản lý của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai”*** nhằm góp một phần nhỏ vào giải quyết những tồn tại hiện nay và từng bước nâng cao hiệu quả QLNN của Chi nhánh, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

2. Mục tiêu của đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến QLNN của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Khảo sát, phân tích những kết quả đạt được, những tồn tại cần hoàn thiện và những tác động ảnh hưởng đến công tác QLNN của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu công tác QLNN của NHNN tỉnh đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian 2006 – 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về lĩnh vực tiền tệ - tín dụng - ngân hàng, đồng thời sử dụng phương pháp thống kê phân tích, so sánh số liệu thực tiễn về tiền tệ và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 – 2010 với lý thuyết để làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu.

5. Nội dung của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về QLNN của NHNN đối với TCTD

- Chương 2: Thực trạng công tác QLNN của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Cơ sở khoa học làm nền tảng nghiên cứu đề tài dựa trên pháp luật hiện hành về tiền tệ và hoạt động ngân hàng gồm Luật NHNN số 46/2010/QH12 và Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đồng thời chọn lọc nội dung liên quan từ các giáo trình để đưa ra khái niệm, vai trò, chức năng nội dung QLNN. Cụ thể:

- Khái niệm NHNN (mục 1.1.1.): Điều 2 Luật NHNN 2010

- Khái niệm TCTD (mục 1.1.2.): Điều 4 Luật các TCTD 2010

- Chức năng NHNN (điểm b mục 1.1.2.): *Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương* với hai chức năng là QLNN về tiền tệ - ngân hàng và chức năng nghiệp vụ NHTW; *giáo trình Lý thuyết tiền tệ tín dụng* nêu ba chức năng là phát hành tiền tệ, ngân hàng của các ngân hàng và ngân hàng của Nhà nước. Theo đúng Điều 4 Luật NHNN 2010, luận văn đưa ra hai chức năng: chức năng NHTW; chức năng là ngân hàng QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

- Vai trò NHNN (mục 1.1.1.): *Giáo trình lý thuyết tiền tệ tín dụng* gồm: Ổn định và phát triển kinh tế xã hội thông qua điều tiết khối lượng tiền trong lưu thông; Thiết lập và điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế; Ổn định sức mua của đồng tiền quốc gia; QLNN toàn bộ hệ thống NHTM. Theo Điều 4 Luật NHNN 2010, luận văn nêu ba vai trò: Điều tiết nền kinh tế vĩ mô; Thiết lập và điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế; Ổn định sức mua đồng tiền quốc gia.

- Chức năng các TCTD (mục 1.1.2.): *Giáo trình lý thuyết tiền tệ và ngân hàng* gồm các chức năng: Làm thủ quỹ cho xã hội; Trung gian thanh toán; Làm trung gian tín dụng; *Giáo trình lý thuyết tiền tệ tín dụng nêu ra NHTM có chức năng*: Trung gian tín dụng; Trung gian thanh toán; Tạo tiền. Luận văn đề cập bốn chức năng: Trung gian thanh toán; Trung gian tín dụng; Tạo tiền. Luận văn tách bạch chức năng trung gian và tạo tiền vì chúng có ý nghĩa khác nhau.

- Vai trò các TCTD (mục 1.1.2.): *Giáo trình lý thuyết tiền tệ và ngân hàng* nêu ba nội dung: công cụ quan trọng thúc đẩy sự phát triển của sản xuất lưu thông hàng hoá; công cụ thực hiện CSTT quốc gia. *Giáo trình lý thuyết tiền tệ tín dụng* nêu hai vai trò: Trung gian; Là nơi trực tiếp thực hiện CSTT quốc gia. Luận văn trình bày vai trò:

Công cụ thúc đẩy phát triển sản xuất lưu thông hàng hóa và công cụ thực thi CSTT quốc gia.

- Nội dung QLNN của NHNN tính đối với các TCTD (mục 1.2.): *giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương; sách QLNN đối với tiền tệ - tín dụng - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Dựa vào Điều 4 Luật NHNN 2010, Luận văn chia nội dung QLNN gồm: Tiền tệ; Hoạt động ngân hàng; Hoạt động ngoại hối.

- Phần cơ sở đưa ra giải pháp, luận văn sử dụng *Báo cáo tổng kết hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 – 2010, phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2011 – 2015 của Chi nhánh và Nghị quyết Hội nghị tỉnh Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XIV* để đưa ra Định hướng phát triển tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2015 của NHNN tỉnh Gia Lai (mục 3.1.1.) và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai 2011 – 2015 (mục 3.1.2.).

- Trong các giải pháp hoàn thiện (mục 3.2.2.): tham khảo Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 và Điều 55 Luật NHNN.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TCTD

1.1. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

1.1.1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a. Khái niệm

NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là NHTW của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. NHNN là pháp nhân, có vốn pháp định thuộc sở hữu Nhà nước. NHNN thực hiện chức năng QLNN về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của NHTW về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và

cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ

b. Chức năng: NHNN có hai chức năng:

- Chức năng ngân hàng trung ương: Chức năng này gồm: Ngân hàng phát hành tiền; Ngân hàng của các TCTD; Cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

- Chức năng quản lý vĩ mô về tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; Đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống TCTD

c. Vai trò: NHNN có ba vai trò chính bao gồm:

- Điều tiết nền kinh tế vĩ mô: Điều tiết bằng công cụ trực tiếp hoặc gián tiếp như lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc; Phối hợp đồng bộ với các công cụ kinh tế tài chính khác

- Thiết lập và điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế: Tham gia xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước; Tài trợ tín dụng có thể kìm hãm hay thúc đẩy phát triển các ngành nghề kinh tế.

- Ổn định sức mua của đồng tiền quốc gia: Cân đối tổng cung và tổng cầu của toàn xã hội thông qua ổn định sức mua đối nội của đồng tiền quốc gia; Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

1.1.2. Hệ thống các TCTD

a. Khái niệm

TCTD là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và QTDND.

b. Chức năng: TCTD có bốn chức năng cơ bản:

Chức năng làm thủ quỹ cho xã hội; Chức năng trung gian tín dụng; Chức năng trung gian thanh toán; Chức năng tạo tiền

c. Vai trò

TCTD có hai vai trò: Công cụ thúc đẩy phát triển sản xuất lưu

thông hàng hóa; Công cụ thực thi chính sách tiền tệ của NHTW

1.2. NỘI DUNG QLNN CỦA NHNN TỈNH ĐỐI VỚI CÁC TCTD

1.2.1. Khái niệm

Là việc thực hiện chức năng QLNN của NHNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đối với các TCTD trong phạm vi địa giới hành chính theo ủy quyền của Thống đốc.

1.2.2. Nội dung QLNN

a. QLNN của NHNN về tiền tệ

- Thực hiện CSTT quốc gia: Thống đốc “quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu CSTT quốc gia theo quy định của Chính phủ”. Các công cụ gồm: tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

- QLNN về hoạt động phát hành: Bảo quản và vận chuyển tiền; Cung ứng và thu hồi tiền; Hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ kho quỹ; Quản lý các hành vi bị cấm trên địa bàn do ảnh hưởng đến nghiệp vụ phát hành của NHTW

b. QLNN về hoạt động Ngân hàng

- Tổ chức và hoạt động ngân hàng bao gồm các nội dung: Về công tác tổ chức cán bộ các TCTD; Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng, hoạt động mua bán, sáp nhập các TCTD; Về giám sát đặc biệt và kiểm soát đặc biệt

- Nội dung QLNN về hoạt động ngân hàng: QLNN về hoạt động nhận tiền gửi; về hoạt động cấp tín dụng; Đảm bảo an toàn hoạt động và phát triển của các TCTD; QLNN về thông tin tín dụng của NHNN đối với TCTD; QLNN về cung ứng dịch vụ thanh toán.

c. Quản lý về hoạt động ngoại hối

- Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối: Quản lý các Giao dịch vãng lai; Giao dịch vốn

- Quản lý hoạt động kinh doanh vàng: Hoạt động kinh doanh vàng thuộc thẩm quyền NHNN nhưng còn bắt cập.

1.2.3. Công cụ QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

a. Pháp chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

Tổ chức triển khai các văn bản pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng và Giám sát, đảm bảo sự tuân thủ của các TCTD

b. Báo cáo thống kê

QLNN về thống kê gồm: thống kê tiền tệ, tín dụng, thanh toán, quản lý ngoại hối và thống kê quản lý các TCTD

c. Thanh tra, giám sát các TCTD

- Thanh tra, giám sát các TCTD: thực hiện thanh tra, giám sát các TCTD nhằm đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, tập trung xem xét, đánh giá mức độ rủi ro, năng lực quản trị rủi ro ...

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo: NHNN tỉnh là đầu mối tiếp nhận đơn khiếu nại tố cáo, kiểm tra các TCTD liên quan và xử lý.

- Phòng chống rửa tiền: NHNN tỉnh chủ yếu triển khai các văn bản liên quan đến hoạt động này.

- Phòng chống tham nhũng và tội phạm ngành ngân hàng: xây dựng các biện pháp phòng chống, phối hợp với các Sở ngành để điều tra các hành vi tội phạm.

d. Kiểm tra các TCTD

NHNN tỉnh kiểm tra về: công tác thông tin báo cáo, thông tin tín dụng, công tác tiền tệ kho quỹ, công tác thanh toán – tin học và các công tác khác theo chỉ đạo của Giám đốc NHNN tỉnh.

đ. Xử phạt vi phạm hành chính

Thanh tra NHNN tỉnh được phép sử dụng công cụ hành chính để xử phạt các vi phạm về tiền tệ và lĩnh vực ngân hàng.

1.3. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG QLNN CỦA NHNN TỈNH ĐỐI VỚI CÁC CHI NHÁNH TCTD

1.3.1. Quan hệ của NHNN tỉnh với cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Theo nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ
- Cùng triển khai chính sách phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ và Quốc hội.

1.3.2. Hoạt động của các chi nhánh TCTD

- Công nghệ ngân hàng: Công nghệ ngân hàng mới (Các NHTM) và công nghệ lạc hậu (QTDND cơ sở).
- Cạnh tranh giữa các chi nhánh TCTD: Nhiều TCTD thành lập sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt dẫn đến vi phạm quy định.
- Tuân thủ pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng của các TCTD: Các chi nhánh TCTD tuân thủ tốt các quy định thì hiệu quả QLNN của Chi nhánh càng cao và ngược lại.

1.3.3. Chất lượng đội ngũ cán bộ NHNN

Tình trạng chất lượng đội ngũ cán bộ công chức: vừa yếu vừa thiếu, được cải thiện nhưng chưa đáng kể, nhiệm vụ QLNN của các NHNN tỉnh không đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

1.3.4. Cơ chế, chính sách của NHNN

- Cơ chế khoán định mức hoạt động từng năm do Bộ Tài chính duyệt, các NHNN tỉnh có định mức riêng, không độc lập về mặt tài chính của NHTW
- Chính sách của NHNN mang tính chất đồng bộ, thay đổi thường xuyên nên các NHNN tỉnh liên tục thay đổi giải pháp quản lý

1.3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLNN

Có nhiều cải thiện nhưng còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA NHNN ĐỐI VỚI CÁC TCTD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHNN TỈNH GIA LAI

2.1.1. Lịch sử hình thành

Lúc đầu thuộc Ngân hàng Liên khu V thành lập ngày 25/01/1948 theo Sắc lệnh 120-SL. Đến năm 1954, Ngân hàng Liên khu V giải thể. Ngày 17/3/1975, NHNN tỉnh Gia Lai – Kon Tum thành lập tháng 5/1975. Kết quả hoạt động từ năm 1975 – nay.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức: Thể hiện qua sơ đồ vị trí việc làm

2.1.3. Hệ thống các TCTD trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Chi nhánh quản lý là 21 chi nhánh TCTD với 94 điểm giao dịch cuối năm 2010, tổng số cán bộ công nhân viên 1.672 người. Thị phần chi nhánh TCTD thay đổi

2.1.4. Những kết quả đạt được trong thời gian qua

Thứ nhất, xây dựng nhiều giải pháp về tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm bình ổn giá cả, góp phần phát triển kinh tế địa phương và thực hiện CSTT quốc gia; Thứ hai, các TCTD tăng trưởng cao; Thứ ba, đáp ứng nhu cầu tiền mặt và các phương tiện thanh toán; Thứ tư, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và quyền lợi của khách hàng

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QLNN CỦA CHI NHÁNH ĐỐI VỚI CÁC TCTD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (2006 – 2010)

2.2.1. QLNN của NHNN về hoạt động tiền tệ

a. Thực hiện CSTT theo chỉ đạo của Thống đốc

- Thực hiện mục tiêu CSTT: hỗ trợ tăng trưởng kinh tế (2006 – 6/2007), thắt chặt (7/2007 – 8/2008), nới lỏng thận trọng (9/2008 – 2009). Điều hành công cụ CSTT trên địa bàn: Công cụ lãi suất

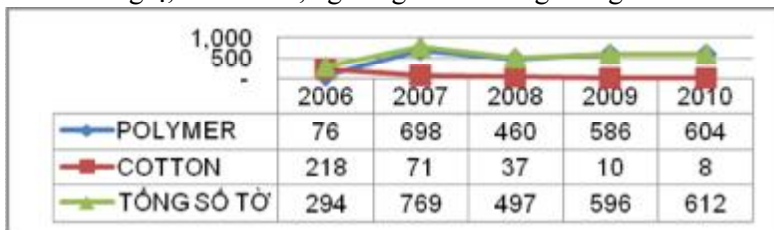
b. QLNN về công tác tiền tệ kho quỹ

- Thực hiện công tác phát hành, cung ứng tiền mặt: Cơ cấu tiền ra lưu thông; Khối lượng thu chi tăng, bội chi (xem bảng 2.3).

Bảng 2.3 Thu chi tiền mặt qua quỹ ngân hàng (2006 – 2010)

Chỉ tiêu tiền mặt	2006	2007	2008	2009	2010
ổng thu (tỷ đồng)	23,763	35,811	49,569	47,482	49,577
Tổng chi (tỷ đồng)	27,823	39,497	51,362	49,514	57,351
Bội chi (-)	-4,060	-3,686	-1,793	-2,032	-7,774
Tốc độ tăng thu (%)	-	50.70	38.42	-4.21	4.41
Tốc độ tăng chi (%)	-	41.96	30.04	-3.60	15.83

Đảm bảo an toàn kho quỹ, đảm bảo an ninh và bảo vệ tài sản do ngành ngân hàng quản lý và bảo quản: kiểm tra 183 đơn vị, có 557 kiến nghị; Đấu tranh, ngăn ngừa và chống tiền giả:



Hình 2.4 Tiền giả thu được qua kho quỹ ngân hàng (2006 – 2010)

2.2.2. QLNN của Chi nhánh về hoạt động Ngân hàng

a. Công tác tổ chức: Công tác tổ chức thu gọn (bảng 2.4).

Bảng 2.4 Một số nội dung về công tác tổ chức cán bộ(2006 – 2010)

Nội dung	2006	2007	2008	2009	2010
Hiệp y bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	0	5	3	2	1
Hiệp y khen thưởng TCTD	2	2	1	2	5
Hiệp y khen thưởng cán bộ	2	2	2	1	4
Chuẩn y nhân sự QTDND	18	-	-	-	18

b. Cấp phép hoạt động ngân hàng:

Cấp phép thường xuyên (xem bảng 2.5).

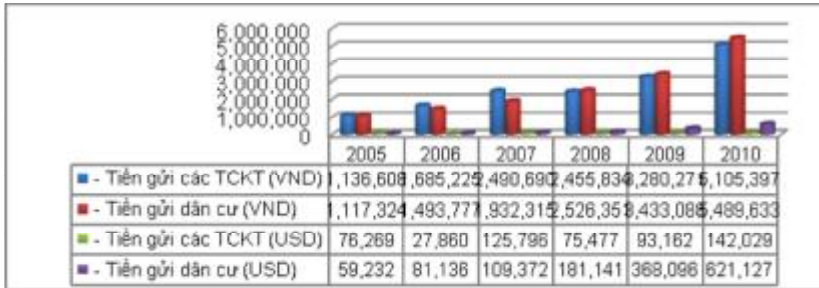
Bảng 2.5 Tình hình cấp giấy phép hoạt động ngân hàng

Nội dung	2006	2007	2008	2009	2010
Thành lập NHTMCP	1	3	2	1	2
Mở chi nhánh huyện	6	9	7	10	8
Đổi tên QTDND	-	-	-	1	0

c. QLNN về hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

- QLNN hoạt động nhận tiền gửi: Chỉ đạo phát triển nguồn vốn

huy động (Xem hình 2.5).



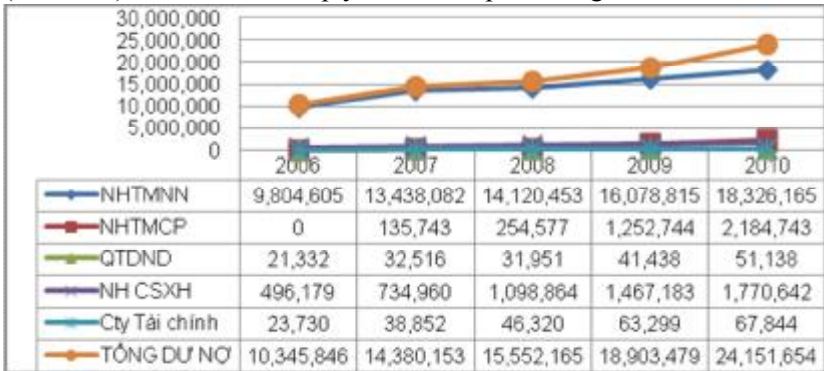
Hình 2.5 Cơ cấu nguồn vốn huy động trên địa bàn (2006 – 2010)

Về quản lý lãi suất tiền gửi: Chỉ đạo quản lý lãi suất huy động; Tổ chức nhiều cuộc thanh, kiểm tra. Nhiều sai phạm trong quản lý tiền gửi (xem bảng 2.6). Thực hiện bảo mật thông tin tiền gửi khách hàng; Thực hiện QLNN đối với Bảo hiểm tiền gửi

Bảng 2.6 Các sai phạm trong quản lý tiền gửi (2006 – 2010)

Nội dung	2006	2007	2008	2009	2010
Số cuộc kiểm tra, thanh tra	1	3	4	2	4
Sai phạm niêm yết	2	1	0	0	0
Sai phạm khuyến mãi vượt trần	1	1	2	0	5
Vượt lãi tiền gửi	1	0	0	0	0

- QLNN hoạt động cấp tín dụng: Chỉ đạo phát triển tín dụng (Hình 2.6); Thực hiện các quy định về cấp tín dụng khác



Hình 2.6 Dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh (2006 – 2010)

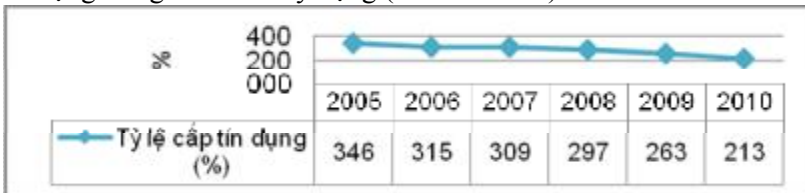
+ Chỉ đạo giảm nợ xấu (Xem hình 2.7)



Hình 2.7 Xu hướng nợ xấu các TCTD trên địa bàn (2006 – 2010)

+ Phân loại nợ và trích lập dự phòng

+ Thực hiện các quy định đảm bảo an toàn: quy định Tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động (xem hình 2.8)



Hình 2.8 Tỷ lệ cấp tín dụng (2005 – 2010)

- + QLNN về thông tin tín dụng;
- + Tổng hợp phân tích kinh tế - tài chính (Xem bảng 2.7)

Bảng 2.7 Tình hình phân tích tài chính doanh nghiệp

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Số DN được phân tích	559	623	515	667	672
DN có vấn đề tài chính	3	5	8	7	6

- QLNN về hoạt động thanh toán: Phát triển hệ thống thanh toán, phương tiện thanh toán, quản lý phương tiện thanh toán; Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt

2.2.3. QLNN về hoạt động ngoại hối trên địa bàn tỉnh

a. Quản lý hoạt động ngoại hối

Số liệu tại bảng 2.9 chỉ ra các nội dung liên quan đến hoạt động ngoại hối. Quản lý các giao dịch vãng lai: tình hình Cấp giấy phép thu ngoại tệ mặt; Mua bán, thu đổi ngoại tệ; Quản lý kiều hối; Quản lý các giao dịch vốn: Đầu tư nước ngoài vào Gia Lai; Cấp giấy xác nhận chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

Bảng 2.9 Tình hình hoạt động ngoại hối (2006 – 2010)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
I. Giao dịch vãng lai					
1. Cấp giấy phép thu ngoại tệ mặt	12	12	1	1	0
- Số tiền (triệu USD)	1.3	1.4	1.9	1.4	0
2. Mua bán, thu đổi (triệu USD)	-	-	-	-	-
3. Chi trả kiều hối (triệu USD)	3.6	6.4	8.5	11.9	14.5
II. Giao dịch vốn					
1. Đầu tư nước ngoài (triệu USD)	13.4	141	-	-	-
2. Giấy phép đầu tư ra nước ngoài	0	0	0	3	6
- Số tiền (triệu USD)	0	0	0	106	295
3. Vay trả nợ nước ngoài (triệu USD)	0	0	0.46	0.46	0.46

b. Quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Đơn vị kinh doanh: 71 đơn vị đăng ký hoạt động kinh doanh vàng, trong đó có 65 đơn vị có đăng ký gia công, sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành hàng năm.

2.2.4. Công cụ QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

a. Pháp chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

+ Triển khai văn bản (Xem bảng 2.10).

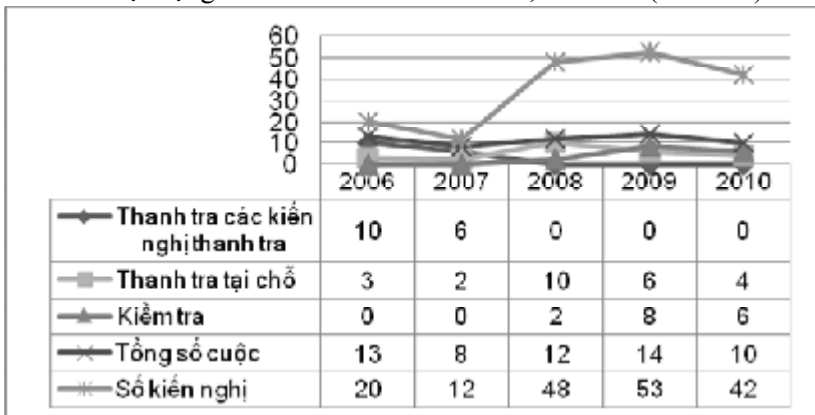
Bảng 2.10 Tình hình triển khai văn bản tại Chi nhánh (2006 – 2010)

Năm/Văn bản	2006	2007	2008	2009	2010
Đến	67	93	85	97	113
Tỷ lệ tăng, giảm (%)	-	38.8	-8.6	14.1	16.4
Đi	85	96	115	126	137
Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	-	12.9	19.7	9.5	8.7

b. Báo cáo thống kê: Nêu tình hình thực hiện và kiểm tra

c. Thanh tra, giám sát các TCTD

- Hoạt động thanh tra: Tình hình thanh, kiểm tra (hình 2.9)



Hình 2.9 Tình hình hoạt động thanh tra, kiểm tra (2006 – 2010)

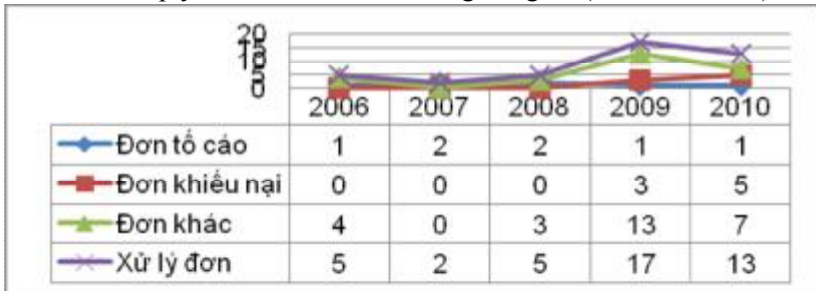
+ Những sai phạm thường gặp (Bảng 2.11).

Bảng 2.11 Sai phạm thường gặp của các chi nhánh TCTD

Sai phạm	Số trường hợp				
	2006	2007	2008	2009	2010
- Nguyên tắc, điều kiện vay vốn	-	77	48	60	-
- Hồ sơ tín dụng	25	218	134	89	24
- Thẩm định cho vay	-	13	32	28	-
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay	194	56	110	9	-
- Sử dụng vốn sai mục đích	-	-	-	-	2
- Phân loại nợ	3	18	42	12	4
- Trích dự phòng rủi ro	-	3	-	-	-
- Sai khác	20	167	228	79	11

- Công tác giám sát từ xa: Phân tích số liệu hoạt động các TCTD; Nêu nội dung giám sát. Bố trí nhân sự làm công tác giám sát; Chưa có sự phối hợp với kiểm soát nội bộ của các chi nhánh TCTD

- Giải quyết khiếu nại tố cáo: tăng đáng kể (xem hình 2.10)



Hình 2.10 Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo (2006 – 2010)

- Phòng chống rửa tiền: Hệ thống văn bản điều chỉnh chưa hoàn thiện; Chưa rõ ràng về các nội dung phòng chống

- Phòng chống tham nhũng và tội phạm ngành ngân hàng: Không phát hiện tham nhũng, tội phạm gia tăng (Xem bảng 2.12)

Bảng 2.12 Loại tội phạm ngân hàng (2005 – 2010)

Tội phạm	Số trường hợp				
	2006	2007	2008	2009	2010
- Cướp tiền nhận từ ngân hàng	-	01	02	01	-
- Đột nhập vào quầy quỹ	-	-	-	-	01
- Đột nhập ATM	-	-	-	01	-
- Tội phạm công nghệ cao	-	-	01	-	-

d. Kiểm tra các TCTD: Chú trọng về nội dung và số đợt kiểm tra (Xem bảng 2.13)

Bảng 2.13 Số đợt kiểm tra hàng năm (2006 – 2010)

Số đợt kiểm tra hàng năm					
Nội dung kiểm tra	2006	2007	2008	2009	2010
Tiền tệ kho quỹ	1	1	1	1	1
Kế toán thanh toán tin học	0	0	1	0	0
Thông tin tín dụng, báo cáo	0	0	0	3	1
Kiểm tra hoạt động ngoại hối	0	0	1	2	0
Kiểm tra QTDND cơ sở	0	0	1	1	1

đ. Xử lý vi phạm hành chính: Chưa áp dụng xử phạt, Tình trạng vi phạm và xử lý vi phạm

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QLNN CỦA CHI NHÁNH

2.3.1. Quan hệ với Cấp ủy, chính quyền địa phương

- Tác động đến công tác QLNN vì không đồng nhất mục tiêu
- Ảnh hưởng từ quan hệ các sở, ban, ngành hữu quan

2.3.2. Hoạt động của các chi nhánh TCTD

- Công nghệ ngân hàng: Không nắm bắt công nghệ các ngân hàng; Số liệu thiếu chính xác; Nhiều hình thức mới chưa có chế tài

- Cạnh tranh giữa các chi nhánh TCTD: Nhiều hành vi vi phạm pháp luật: lách luật, cạnh tranh không lành mạnh; Khối lượng công việc QLNN ngày càng nhiều và phức tạp.

- Tuân thủ pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe; Nhận thức của các TCTD hạn chế

2.3.3. Chất lượng đội ngũ cán bộ NHNN: (Xem bảng 2.14).

Bảng 2.14 Chất lượng cán bộ công chức (2006 – 2010)

Năm (cuối năm)	Số cán bộ/ biên chế	Trình độ đào tạo (chính quy/tổng số)					Độ tuổi		
		Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Dưới 30	30 - 50	Trên 50
2006	49/50	1/1	20/34	0/4	1/1	9	10	32	7
2007	50/50	1/1	21/35	0/4	1/1	9	11	32	7
2008	48/55	1/2	19/31	0/4	1/1	10	9	30	9
2009	46/50	1/3	20/32	0/3	1/1	8	8	31	7
2010	46/52	1/3	15/29	0/3	2/2	9	9	31	6

2.3.4. Cơ chế, chính sách của NHNN: Các chế độ đãi ngộ kém, cán bộ từ chuyển việc (bảng 2.15)

Bảng 2.15 Tình hình biên chế Chi nhánh (2006 – 2010)

Biên chế	2006	2007	2008	2009	2010
Chuyển đến	0	0	1	1	0
Tuyển dụng	6	1	2	0	3
Chuyển đi	0	0	0	0	1
Nghỉ hưu	0	0	0	2	1
Thôi việc	1	0	4	1	1
Khác	0	0	1	0	0
Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	+ 5	+ 1	-2	-2	0

2.3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLNN

Ứng dụng nhiều công nghệ mới; Nhân sự tin học hạn chế

2.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, TỒN TẠI

2.4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, hiệu quả QLNN ngày một nâng cao; *Thứ hai*, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động ngân hàng; *Thứ ba*, hoạt động thanh tra, giám sát đã đáp ứng yêu cầu mới; *Thứ tư*, các chi nhánh TCTD đã đảm nhận tốt hơn vai trò trung gian tài; *Thứ năm*, chỉ đạo hệ thống ngân hàng trên địa bàn đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới và phát triển kinh tế địa phương.

2.4.2. Hạn chế, tồn tại

Thứ nhất, nhiệm vụ QLNN của Chi nhánh còn bị động, phụ thuộc nhiều vào sự điều hành chính sách của NHNN, Tỉnh uỷ, Ủy ban Nhân dân tỉnh; *Thứ hai*, thực thi QLNN ở các phân hành kém hiệu quả; *Thứ ba*, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức chưa đáp ứng yêu cầu QLNN của Chi nhánh; *Thứ tư*, các chi nhánh TCTD chưa tích cực tham gia của vào hoạt động QLNN của Chi nhánh.

2.4.3. Nguyên nhân những hạn chế, tồn tại

- Nguyên nhân khách quan: *Thứ nhất*, điều kiện xuất phát điểm còn thấp. *Thứ hai*, cơ chế điều hành của NHNN còn chưa phù hợp. *Thứ ba*, tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp. *Thứ tư*, quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước chồng chéo. *Thứ năm*, chế độ tài chính chưa phù hợp. *Thứ sáu*, công tác triển khai ứng dụng công nghệ trong quản lý chưa đồng bộ.

- Nguyên nhân chủ quan: *Thứ nhất*, công tác điều hành mang tính kế thừa. *Thứ hai*, xây dựng kế hoạch mang tính chất định tính. *Thứ ba*, công tác kiểm tra xử lý chưa nghiêm. *Thứ tư*, công tác tổ chức cán bộ hạn chế. *Thứ năm*, công tác thông tin, tuyên truyền kém.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TCTD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng phát triển tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2015 của NHNN tỉnh Gia Lai

3.1.2. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai 2011 – 2015

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QLNN VỀ TIỀN TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG CỦA CHI NHÁNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện nội dung QLNN của Chi nhánh

a. Hoàn thiện QLNN về tiền tệ

- Thực hiện CSTT quốc gia theo chỉ đạo của Thống đốc: Tăng cường chất lượng tham mưu; Nâng cao vai trò chủ động của Chi nhánh; Đảm bảo sự đồng thuận của các chi nhánh TCTD

- Hoạt động phát hành: Công tác bảo quản và vận chuyển tiền; Cung ứng và thu hồi tiền; Hoàn thiện hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ kho quỹ; Đấu tranh ngăn ngừa và chống tiền giả

b. Hoàn thiện QLNN về hoạt động ngân hàng

- Tổ chức và hoạt động ngân hàng: Chấn chỉnh hoạt động QTDND cơ sở; Phát triển mạng lưới các NHTM ở địa bàn nông thôn

- Về tiền gửi: Tăng cường kiểm tra đột xuất; Tổ chức giám sát những khoản tín dụng; Áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với các chi nhánh TCTD.

- Hoạt động cấp tín dụng: Hỗ trợ tăng trưởng tín dụng về chất và lượng; Giải quyết nợ xấu các chi nhánh TCTD

- Hoàn thiện QLNN về công tác thanh toán: Tăng cường chỉ đạo các chi nhánh TCTD phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; Chỉ đạo phát triển phương thức thanh toán điện tử mới

c. Hoàn thiện QLNN về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng

- Hỗ trợ các chi nhánh TCTD tăng cường thu hút nguồn đầu vào ngoại tệ: Vận động doanh nghiệp bán ngoại tệ cho ngân hàng; Khuyến khích nguồn kiều hối; Tăng cường tuyên truyền về hoạt động kinh doanh vàng.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công cụ QLNN

a. Hoàn thiện pháp chế ngân hàng

- Xây dựng website Chi nhánh; Xây dựng hệ thống mạng; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; Chỉ đạo các chi nhánh TCTD hoàn thiện bộ máy pháp chế

b. Hoàn thiện công tác thanh tra, giám sát ngân hàng

- Kết hợp thanh tra, giám sát tuân thủ và thanh tra, giám sát rủi ro: Kết hợp Nội dung thanh tra và Kết hợp quy trình thanh tra

- Tăng cường giám sát rủi ro qua các chỉ tiêu tài chính: Các chỉ tiêu tài chính cần áp dụng; Xây dựng một bộ phận chuyên nghiên cứu tập trung về việc phân tích và đánh giá từng chỉ tiêu.

- Phối hợp giữa thanh tra, giám sát Chi nhánh và kiểm soát nội bộ các chi nhánh TCTD: Xây dựng quy chế phối hợp

- Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng và tội phạm ngân hàng: Kê khai tài sản; Kiểm tra, xác minh, đối chiếu thu nhập và tài sản; Chủ động trong công tác tuyên truyền, thông tin nhanh những loại tội phạm; Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng.

- Đẩy mạnh xử phạt vi phạm hành chính về tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Tăng cường công tác xử phạt các vi phạm

- Hoàn thiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thiết lập đường dây nóng; Tăng cường tính chủ động của Bộ phận giải quyết khiếu nại tố cáo; Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức đối thoại với khách hàng

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện phối hợp giữa Chi nhánh với cấp uỷ, chính quyền, các Sở, Ban, Ngành địa phương

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương: giữ mối quan hệ thông tin giữa ngành ngân hàng với cấp uỷ và chính quyền; Cải tiến cách thức tiến hành, nguyên tắc, nội dung pháp lý của từng vấn đề

- Các Sở, Ban, Ngành: Xây dựng quy chế phối hợp, thông tin, biện pháp xử lý; Tăng cường phối hợp công tác kiểm tra

3.2.4. Giải pháp về tổ chức và phối hợp trong ngân hàng tỉnh

a. Kịch bản toàn bộ máy quản lý và hoạt động của Chi nhánh

- Bổ sung chỉ tiêu biên chế; Tăng cường luân chuyển cán bộ công chức; Đào tạo cán bộ công chức; Phân định rõ nhiệm vụ cho các cán bộ;

- Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ

b. Khuyến khích sự tham gia của chi nhánh TCTD vào hoạt động QLNN của Chi nhánh

Phát huy vai trò hiệp y của Chi nhánh; Tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề; Tăng cường làm việc với các chi nhánh TCTD.

c. Tăng cường quản lý cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý

- Căn trọng trong việc hiệp y bổ nhiệm; Nghiên cứu bổ sung hồ sơ những vấn đề về đạo đức, lối sống, chiều hướng và khả năng phát triển; Đẩy mạnh công tác kiểm tra và tự kiểm tra đội ngũ cán bộ

- Áp dụng những biện pháp mạnh như kiến nghị TCTD trung ương cách chức hoặc tạm đình chỉ hoạt động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Kể từ khi chuyển thành ngân hàng hai cấp, hệ thống ngân hàng không ngừng phát triển về mạng lưới, công nghệ, phương pháp và năng lực quản lý nên công tác QLNN của các NHNN tỉnh ngày càng phức tạp. Sự cải tiến chậm chạp về công nghệ, công cụ QLNN của NHNN chưa tạo ra một sự thay đổi đồng bộ và toàn diện. Chiến lược phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2010 – 2020 đặt ra nhiệm vụ vô cùng quan trọng cho ngành ngân hàng nói chung và Chi nhánh nói riêng trong xây dựng bộ máy QLNN hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho việc phát triển hệ thống TCTD, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, kiểm soát lạm phát và phát triển kinh tế.

Công tác QLNN của Chi nhánh đạt được những thành tựu nhất định nhưng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nhiệm vụ phát triển ngành ngân hàng tại địa phương tiếp tục nâng lên một tầm cao mới. Qua đánh giá nhiệm vụ QLNN của Chi nhánh giai đoạn 2006 – 2010 chỉ ra nhiều tồn tại yếu kém, từ đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện theo hướng xây dựng một mô hình QLNN có hiệu quả.

Các biện pháp hoàn thiện công tác QLNN tại Chi nhánh đi sâu nhiệm vụ quản lý tiền tệ, hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối, số liệu phân tích lấy từ nguồn số liệu do Chi nhánh quản lý trong giai đoạn 2006 - 2010. Phần nội dung đã nghiên cứu những vấn đề:

- Phân tích lý luận cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng của NHNN; khái niệm, vai trò, chức năng của hệ thống các TCTD. Luận văn đưa ra các khái niệm và nội dung cơ bản trong công tác QLNN của NHNN nói chung, các nhiệm vụ và công cụ QLNN cụ thể ở các NHNN tỉnh nói riêng. Dựa vào cơ sở lý luận đó, luận văn nêu lên thực trạng công tác

này tại Chi nhánh giai đoạn 2006 – 2010 và phân tích các công cụ QLNN của các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, những nhân tố ảnh hưởng đến công tác này. Qua đó cho thấy:

(i) QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng là một nội dung phức tạp, mục tiêu thay đổi thường xuyên, sử dụng nhiều công cụ trong những chính sách và thời gian nhất định, đòi hỏi phải kịp thời điều chỉnh, thường xuyên thực hiện kiểm tra, kiểm soát mà quan trọng nhất trong các biện pháp đó là chỉ đạo chung của Chi nhánh để thực hiện một cách đồng thời các giải pháp;

(ii) QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng có tác động lớn đến hoạt động các chi nhánh TCTD trên địa bàn trong thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, kiểm soát lạm phát và phát triển kinh tế địa phương.

- Từ thực trạng và kết quả QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Chi nhánh, luận văn chỉ rõ những kết quả đạt được, những yếu kém tồn tại và nguyên nhân, từ đó làm cơ sở để đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác này.

- Từ định hướng phát triển ngành ngân hàng của NHNN, luận văn xây dựng và đề xuất những giải pháp chủ yếu để hoàn thiện công tác QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trình bày theo hướng mang tính chất nội dung QLNN về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối theo hướng chuyên đề của các phòng chức năng sát với thực tiễn. Bên cạnh đó, luận văn cũng có một vài giải pháp mà phạm vi giải quyết cần phải có sự đồng bộ giữa các cơ quan tham gia thực hiện chức năng QLNN về tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

- Để đảm bảo các giải pháp được thực hiện một cách có hiệu quả, luận văn đã có những ý kiến đề xuất NHNN, Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai có những thay đổi về chính sách và biện pháp chỉ đạo.

2. KIẾN NGHỊ

- Đối với NHNN

+ Nghiên cứu ban hành các tiêu chí đánh giá hiệu quả QLNN bằng cách chỉ tiêu định lượng gắn với vị trí công việc cán bộ công chức, các phòng chuyên đề và của NHNN tỉnh.

+ Chỉ đạo các NHTM Nhà nước có chính sách ưu tiên trang bị máy ATM cho các tỉnh miền núi và thống nhất việc thu phí giao dịch tiền mặt nhằm giảm áp lực thu chi tiền mặt qua quỹ ngân hàng.

+ Đề nghị các TCTD trung ương bổ sung thêm một số loại tiền mệnh giá 20.000 đồng trở xuống vào chương trình máy ATM.

+ Trong công tác quản lý tiền mặt cần tổ chức lại bộ máy Cục Phát hành kho quỹ để có đủ năng lực thực hiện việc phát hành và quản lý tiền mặt theo yêu cầu mới. Xây dựng Trung tâm xử lý tiền, quan trọng là phải trang bị được dây chuyền máy móc có thể phân loại và tiêu huỷ tiền nhanh chóng và hiệu quả.

+ Kiến nghị Chính phủ nâng mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng đủ sức răn đe, nâng mức phạt được phép của Chánh Thanh tra Chi nhánh lên 100.000.000 đồng, Thanh tra viên lên 10.000.000đ.

- Đối với UBND tỉnh

+ Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan thực hiện Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng v/v trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

+ Hỗ trợ các chi nhánh NHTM tỉnh xử lý thu hồi nợ xấu, nợ tồn đọng, xử lý tài sản đảm bảo là bất động sản.

+ Hạn chế sự can thiệp quá sâu đối với Chi nhánh của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động và thực hiện chính sách tiền tệ